

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HS-ST
Ngày: 10 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thực
Bà Bùi Thị Nhen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Khuất Duy Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn C, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1996 tại Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm T, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn R và bà Bùi Thị I ; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn Đ, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1996 tại Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm T, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K (đã chết) và bà Bùi Thị T; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Quốc C, sinh năm 1974. Trú tại: Xóm T, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. **Vắng mặt.**

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại là anh Đào Duy K. Trú tại: Xóm T, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bùi Văn Ch, sinh năm 1984. Trú tại: Xóm N, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. **Vắng mặt.**

Bùi Thị T, sinh năm 1986. Trú tại: Xóm T, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 26/8/2021, Bùi Văn C đến nhà Bùi Thanh Đ chơi sau đó rủ Đ đi đến công trường thi công đập tràn vai phải thuộc dự án hồ chứa nước Cánh Tạng thuộc địa phận xóm Trắng Cát, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình để trộm cắp tài sản thì Bùi Thanh Đ đồng ý. Cả hai đi bộ đến công trường thi công đập tràn vai phải. Tại đây, C và Đ phát hiện thấy 01 máy đầm cóc nhãn hiệu Hitachi, màu đen – vàng – bạc của anh Trần Quốc C là quản lý công trình, để ở gần lán bảo vệ. Quan sát thấy không có người trông coi, hiên nhặt một đoạn gậy gỗ dài khoảng 1,5m, đường kính khoảng 04cm, đưa gậy vào ngang khung máy đầm và cùng Bùi Thanh Đ khiêng máy đầm đi ra khu vực dốc Lim thuộc xóm Trắng Cát, xã Yên Phú, cách vị trí ban đầu của máy đầm khoảng 400m và cất giấu máy đầm vào bụi cây ven đường rồi vứt bỏ đoạn gỗ. Đến khoảng 10 giờ ngày 30/8/2021, C gọi điện thoại cho hiêm nói có chiếc máy đầm cóc của người quen không sử dụng nhờ bán giúp, hỏi Ch có mua máy với giá 7.000.000 đồng không thì Ch đồng ý mua và hẹn đến chiều cùng ngày đến xem hàng. Sau đó C báo với Đ đã có người mua máy. Khoảng 18 giờ ngày 30/8/2021, hiêm điều khiển xe mô tô BKS 28N1-396.16 đến gặp C và Đ tại khu vực cất giấu máy đầm. Ch còn mượn thêm của em gái là Bùi Thị T một chiếc xe mô tô BKS 28S6-2994 để chở Đ về nhà Ch, còn để C dùng xe máy của mình chở máy đầm đi theo sau. Tại nhà Ch, Ch đưa cho C số tiền mua máy đầm là 6.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng nợ lại. C chia cho Đ 3.000.000 và mình cầm 3.000.000 đồng. Đến ngày 03/9/2021, C đến nhà Ch lấy nốt số tiền bán máy 1.000.000 đồng. Do máy hạn gí một số bộ phận nên sau khi mua được, Ch đã dùng sơn màu bạc sơn lại máy. Số tiền bán máy các bị cáo chi tiêu cho cá nhân hết. Ngày 14/9/2021, các bị cáo đến Công an huyện Lạc Sơn đầu thú về hành vi trộm cắp của mình.

Vật chứng thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ là 01 máy đầm cóc nhãn hiệu Hitachi, số loại ZV55RL màu đen – bạc, máy cũ đã qua sử dụng; 01 xe mô tô BKS 28N1-396.16 của anh hiêm; 01 xe mô tô BKS 28S6-2994 của gia đình chị Bùi Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen đã qua sử dụng của hiên. Đối với chiếc máy đầm cóc đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Quốc C. Hai chiếc xe mô tô được trả lại cho chủ sở hữu, chiếm hữu hợp pháp là anh hiêm và chị Bùi Thị T. Đối với chiếc điện thoại di động hiên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn chờ xử lý. Đối với đoạn gỗ các bị cáo dùng khiêng máy đầm hiên Cơ quan điều tra chưa thu giữ được.

Tại kết luận định giá tài sản số 27/ĐG-HĐĐG, ngày 24/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết luận: Chiếc máy đầm cóc nhãn hiệu Hitachi, số loại ZV55RL, máy cũ đã qua sử dụng có trị giá 18.768.750 (Mười tám triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Trần Quốc C đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo về trách nhiệm dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh hiem đã nhận lại số tiền 7.000.000 đồng các bị cáo bồi thường và cũng không có ý kiến gì.

Tại Bản cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố các bị cáo hiem, Bùi Thanh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với hiem là người trực tiếp mua chiếc máy đầm cóc nhưng khi mua, anh Ch không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Đối với Bùi Thị T khi cho anh trai là hiem mượn xe khi mua máy đầm nhưng sau khi nhận lại xe không có ý kiến gì về trách nhiệm dân sự nên Cáo trạng không đề cập xử lý đối với hiem và Bùi Thị T.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Xác định các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo là đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo là người dân tộc thiểu số; sau khi phạm tội đã đầu thú và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điều 17, Điều 58, khoản 1 điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn C từ 15 (*mười lăm*) tháng đến 18 (*mười tám*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Bùi Thanh Đ từ 14 (*mười bốn*) tháng đến 17 (*mười bảy*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Về tang vật của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị : Các vật chứng đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là hợp pháp nên không đề nghị xem xét. Đối với chiếc điện thoại di động của hiem dùng liên lạc bán tài sản trộm cắp là công cụ phạm tội nên cần tịch thu, phát mại sung quy nhà nước. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại không có ý kiến gì về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng phản ánh; các bị cáo nhận tội, không kêu oan, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự

thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo:* Ngày 26/8/2021 Bùi Văn C, Bùi Thanh Đ đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc máy đầm cóc có trị giá là 18.768.750 (Mười tám triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tang vật thu giữ. Giá trị tài sản chiếm đoạt trong khoảng từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh, điều khoản luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo:* Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm pháp nêu trên là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động nên vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:* Trong vụ án các bị cáo đã cùng nhau thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, các bị cáo nảy sinh ý định phạm tội tức thì, không có sự bàn bạc từ trước, không có phân công phân nhiệm, kế hoạch rõ ràng nên chỉ đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này hiên là người chủ động rủ Đ đi trộm cắp tài sản. Sau đó chính C là người chủ động trong việc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Do đó, hiên phải chịu trách nhiệm hình sự ở mức cao hơn bị cáo Đ. Đối với Đ là đồng phạm tích cực với vai trò giúp sức và thực hiện; Đ là người trực tiếp khiêng máy đầm với C đến nơi cất giấu. Do đó, bị Đ phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội của mình.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:* Sau khi phạm tội, các bị cáo đã bồi thường tiền cho anh hiem đầy đủ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo trước đây chưa từng phạm tội và lần phạm tội này bị truy tố ở khung hình phạt cao nhất là 3 năm tù. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số; sau khi phạm tội đã đầu thú và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là những tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình

sự năm 2015. Các bị cáo ngoài lần phạm tội này luôn chấp đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử xét không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Việc Kiểm sát viên đề nghị, các bị cáo xin được hưởng án treo là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] *Về tang vật của vụ án:* Tang vật của vụ án đã được Cơ quan điều tra trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chiếc điện thoại của bị cáo hiên là công cụ phạm tội nên cần tịch thu, phát mại, sung vào quỹ Nhà nước. Đối với đoạn gây các bị cáo dùng khiêng máy đầm do Cơ quan điều tra chưa thu hồi được nên không có căn cứ xem xét trong vụ án này.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí:* Các Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Thanh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn C, 18 (*mười tám*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 36 (*ba mươi sáu*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Xử phạt bị cáo Bùi Thanh Đ 16 (*mười sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 32 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Văn C, Bùi Thanh Đ cho Ủy ban nhân dân xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo nào cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen đã qua sử dụng của hiên. *(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng số 10 giữa công an huyện Lạc Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn ngày 06/12/2021).*

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc mỗi bị cáo Bùi Văn C, Bùi Thanh Đ phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo cùng thời hạn kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Hòa Bình (b/c);
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Chi cục THADS Lạc Sơn ;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình ;
- Bị cáo+ Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Văn Dần

